



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 04 THÁNG 01 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016**



Thành viên hãng **agn International** / Member Firm of **agn International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 04 THÁNG 01 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016



Tháng 8 năm 2016

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 41

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 02, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 (kỳ kế toán đầu tiên kể từ khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Duy Hùng	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên
3. Ông Lê Anh Dũng	Ủy viên
4. Bà Phạm Thị Tâm	Ủy viên
5. Ông Vũ Trọng Tuấn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 02, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Bình

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 43.08/2016/BCSX- IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ Phần

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần, được lập ngày 30 tháng 08 năm 2016, từ trang 6 đến trang 41 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Như Phương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

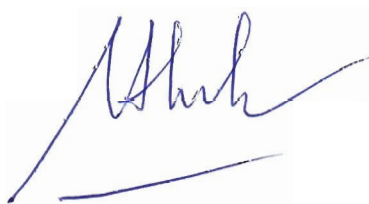
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.111.729.664.243
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	79.625.954.973
1. Tiền	111		76.625.954.973
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		381.333.123.808
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.378.321.398
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	20.958.215.729
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	260.410.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	90.342.060.629
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.244.526.052
III. Hàng tồn kho	140		646.342.131.308
1. Hàng tồn kho	141	V.7	646.342.131.308
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.428.454.154
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	709.663.152
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.255.527.095
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14a	463.263.907
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		746.705.479.660
I. Tài sản cố định	220		57.114.283.423
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	54.689.099.000
- Nguyên giá	222		129.228.838.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.539.739.912)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.425.184.423
- Nguyên giá	228		3.916.782.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.491.597.635)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.257.732.083
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.257.732.083
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		666.746.383.472
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	283.911.771.800
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	382.834.611.672
IV. Tài sản dài hạn khác	260		18.587.080.682
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	18.587.080.682
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.858.435.143.903

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.154.312.091.474
I. Nợ ngắn hạn	310		1.154.312.091.474
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	585.907.286.963
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	295.743.140.138
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14b	13.750.978.996
4. Phải trả người lao động	314		746.071.715
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		389.201.980
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		11.421.525
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	244.981.678.834
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	8.294.641.899
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.487.669.424
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		704.123.052.429
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	704.123.052.429
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		633.738.138.626
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		22.421.127.209
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.323.004.781
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		186.517.990
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.926.747.136
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.306.299.463
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.620.447.673
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		527.516.687
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.858.435.143.903



Nguyễn Thị Linh
 Người lập
 Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2016



Nguyễn Thị Linh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		135.918.165.279
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	135.918.165.279
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	129.944.499.841
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.973.665.438
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.549.803.729
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	697.700.800
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		386.431.350
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		3.383.736.154
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.303.426.704
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.690.531.226
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.215.546.591
12. Thu nhập khác	31	VI.6	293.874.450
13. Chi phí khác	32	VI.7	(33.253.078)
14. Lợi nhuận khác	40		327.127.528
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.542.674.119
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.542.674.119
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3.620.447.673
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(77.773.554)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	50,78
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	50,78



Nguyễn Thị Linh
Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2016



Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	3.542.674.119
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.038.595.415
(Lãi)/Lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(464.271.842)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.478.358.950)
Chi phí lãi vay	06	386.431.350
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(7.974.929.908)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(299.262.605.275)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(594.219.960.095)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	1.055.974.205.742
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	792.108.394
Tiền lãi vay đã trả	14	(386.431.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	154.922.387.508
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	10.000.000
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(280.356.698.900)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	9.287.500.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.116.951.603
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(268.942.247.297)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ đi vay	33	11.311.171.140
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.902.422.029)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.408.749.111
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(110.611.110.678)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	189.772.793.809
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		464.271.842
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		79.625.954.973

Nguyễn Thị Linh
Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty TNHH MTV. Tổng Công ty được thành lập theo Quyết định số 66/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0113543 ngày 04 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 400.000.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13 tháng 05 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Công ty được chuyển sang hình thức công ty cổ phần. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức đổi tên thành Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển đổi mô hình sang công ty cổ phần là 713.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty bao gồm:

1. Công ty Giống Rau quả Trung Ương - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần
2. Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần

Tổng Công ty có một công ty con, chi tiết như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH HTV Chipsgood - Vegetexco	Hung Yên	90,00%	Sản xuất, chế biến nông sản

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 302 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi;
- Trồng rừng và khai thác lâm sản khai thác trừ gỗ;

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ nông nghiệp;
- Khai thác, nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm, đồ uống, thịt, sản phẩm từ thịt, hàng hóa nông sản;
- Sản xuất, kinh doanh, chế biến hàng nông sản;
- Sản xuất sản phẩm từ nhựa, thủy tinh, vật liệu từ đất sét, máy móc nông nghiệp, máy chế biến thực phẩm;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng rau quả, nông sản phẩm, vật tư thiết bị.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin; và
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với công ty đại chúng quy mô lớn. Kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là kỳ hoạt động đầu tiên của Tổng công ty dưới hình công ty cổ phần, đồng thời là kỳ đầu tiên Tổng Công ty thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó không có số liệu so sánh tại ngày 04 tháng 01 năm 2016 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và số liệu so sánh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày tại Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cũng như Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, giá trị quyền sử dụng đất, lợi thế thương mại. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất đối với quyền sử dụng đất và theo thời gian không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành đối với các chi phí trả trước dài hạn khác.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đánh giá lại tài sản được ghi nhận theo giá trị định giá của các tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy vi tính và các tài sản cố định vô hình khác.

Giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

Giá trị phần mềm máy vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Giá trị tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đánh giá lại tài sản được ghi nhận theo giá trị định giá của các tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	40
Phần mềm máy tính	02 - 05
Tài sản cố định vô hình khác	02 - 05

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số lũy kế của kết quả hoạt động kinh doanh chưa quyết toán hoặc chưa được phân phối lại tại ngày lập báo cáo. Đại hội đồng cổ đông sẽ phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất và thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập các quỹ, chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn hoặc để lại bổ sung vốn kinh doanh phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành, theo Điều lệ Tổng Công ty và các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ hoạt động được trình bày tại thuyết minh số VII.2

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ hoạt động. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016
	VND
Tiền mặt	350.499.435
Tiền gửi ngân hàng	76.275.455.538
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000
Cộng	79.625.954.973

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1-2 tháng. Lãi suất của các khoản tiền gửi từ 4,5 - 4,8%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016
	VND
Nhà máy Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Bắc Giang	362.449.899
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	324.000.000
Ông Tăng Văn Hải	257.190.000
Bà Lê Thị Thảo	211.664.640
Công ty Cổ phần A&T	927.731.389
Các đối tượng khác	3.295.285.470
Cộng	5.378.321.398

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a – DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2016
	VND
AST ENTERPRISE INC	13.510.598.213
Công ty Cổ phần Thương mại A&T	6.800.000.000
Công ty Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	285.113.290
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoa Hồng Vân Nam	187.520.000
Các đối tượng khác	174.984.226
Cộng	20.958.215.729

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2016
	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	260.410.000.000
Cộng	260.410.000.000

Khoản tiền cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T theo Hợp đồng hợp tác số 06/2016/RQNS -TT ngày 01 tháng 03 năm 2016 giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T được phép sử dụng một phần vốn nhàn rỗi của Tổng Công ty theo điều khoản thỏa thuận trên Hợp đồng. Lãi suất sử dụng vốn được quy định chi tiết theo từng Giấy đề nghị chuyển tiền.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2016
	VND
Phải thu về cổ phần hóa	4.677.722.656
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	24.848.004.261
Tạm ứng	600.659.649
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	55.941.995.556
Phải thu khác	4.273.678.507
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Phải thu về hoạt động phục vụ hoạt động dự trữ quốc gia)	1.049.861.034
- Các đối tượng khác	3.223.817.473
Cộng	90.342.060.629

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. Chi phí trả trước

	<u>30/06/2016</u>
	<u>VND</u>
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	709.663.152
Cộng	<u><u>709.663.152</u></u>
b. Chi phí trả trước dài hạn	
- Quyền sử dụng đất	13.742.968.749
- Lợi thế thương mại	3.738.781.983
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.105.329.950
Cộng	<u><u>18.587.080.682</u></u>

7. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	599.056.411.058	-
Nguyên liệu, vật liệu	5.157.932.519	-
Công cụ, dụng cụ	1.521.203.750	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.422.172.717	-
Thành phẩm	16.943.619.551	-
Hàng hoá	11.574.454.135	-
Hàng gửi bán	3.666.337.578	-
Cộng	<u><u>646.342.131.308</u></u>	<u><u>-</u></u>

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MÃ SỐ B09a - DN/HN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 04/01/2016	93.564.899.468	27.710.527.647	7.004.421.799	998.989.998	129.278.838.912
Thanh lý nhượng bán	-	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
Tại ngày 30/06/2016	93.564.899.468	27.660.527.647	7.004.421.799	998.989.998	129.228.838.912
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 04/01/2016	52.619.030.435	14.705.791.060	3.980.529.869	540.966.948	71.846.318.312
Khấu hao trong kỳ	1.537.578.224	1.033.577.013	263.534.522	69.309.194	2.903.998.953
Giảm khác	(160.577.353)	-	-	-	(160.577.353)
Thanh lý nhượng bán	-	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
Tại ngày 30/06/2016	53.996.031.306	15.689.368.073	4.244.064.391	610.276.142	74.539.739.912
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 04/01/2016	40.945.869.033	13.004.736.587	3.023.891.930	458.023.050	57.432.520.600
Tại ngày 30/06/2016	39.568.868.162	11.971.159.574	2.760.357.408	388.713.856	54.689.099.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a – DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 04/01/2016	430.500.000	3.211.547.076	274.734.982	3.916.782.058
Tại ngày 30/06/2016	430.500.000	3.211.547.076	274.734.982	3.916.782.058
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 04/01/2016	323.166.667	758.843.307	114.413.846	1.196.423.820
Khấu hao trong kỳ	28.000.000	80.288.677	26.307.785	134.596.462
Tăng khác	-	160.577.353	-	160.577.353
Tại ngày 30/06/2016	351.166.667	999.709.337	140.721.631	1.491.597.635
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 04/01/2016	107.333.333	2.452.703.769	160.321.136	2.720.358.238
Tại ngày 30/06/2016	79.333.333	2.211.837.739	134.013.351	2.425.184.423

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MÁU SỐ B09a - DN/HN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****10. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Các khoản điều chỉnh/giảm giá trị khoản đầu tư trong kỳ					
	Giá gốc của khoản đầu tư	Giá trị ghi sổ lũy kế tại thời điểm đầu kỳ	Khoản điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi/lỗ của công ty liên doanh, liên kết trong kỳ	Cổ tức được chia nhận được trong kỳ	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành	Giá trị ghi sổ lũy kế tại thời điểm cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất Nhập khẩu	3.188.457.664	3.188.457.664	-	-	-	3.188.457.664
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Vitrannimex	15.441.348.279	15.583.050.000	1.800.750.000	1.419.600.000	-	15.964.200.000
Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower	54.877.127.996	59.041.186.261	7.761.200.983	-	-	66.802.387.244
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	58.981.600.000	79.766.047.144	1.312.063.604	2.945.044.125	1.229.305.740	76.903.760.883
Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả Sài Gòn	57.765.780.000	67.953.074.673	1.331.434.960	4.511.252.737	4.916.646.600	59.856.610.296
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau Quả	9.433.351.517	9.433.351.517	54.183.469	-	1.825.250.000	7.662.284.986
Công ty Liên doanh TNHH TOVECAN	27.719.562.751	27.719.562.751	-	-	-	27.719.562.751
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD	1.155.755.413	1.155.755.413	-	-	-	1.155.755.413
Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	4.506.659.196	4.506.659.196	-	-	-	4.506.659.196
Công ty Cổ phần Thực phẩm XK Tân Bình	20.152.093.367	20.152.093.367	-	-	-	20.152.093.367
Tổng cộng	253.221.736.183	288.499.237.986	12.259.633.016	8.875.896.862	7.971.202.340	283.911.771.800

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B09a - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****10. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất Nhập khẩu	Hà Nội	35,00%	Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư nông sản
2	Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Vitranmimex	Hà Nội	35,00%	Kinh doanh vận tải, chế biến nông sản
3	Công ty Liên doanh TNHH TOVECAN	TP. HCM	22,64%	Sản xuất vỏ hộp sắt
4	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD	Hà Nội	35,00%	Xây dựng, vật liệu xây dựng
5	Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	Thanh Hóa	21,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
6	Công ty Cổ phần Thực phẩm XK Tân Bình	TP. HCM	20,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
7	Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower	Đồng Nai	32,36%	Sản xuất kinh doanh nước giải khát trái cây
8	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	TP. HCM	39,13%	Sản xuất kinh doanh bao bì hộp sắt
9	Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả SG	TP. HCM	38,43%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
10	Công ty Cổ phần XNK Rau Quả	TP. HCM	45,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm

Trong kỳ Tổng công ty thực hiện giảm vốn góp đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Rau quả Sài Gòn theo phương thức chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà theo:

- Biên bản họp Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty rau quả nông sản - Công ty Cổ phần phiên họp thứ 9 số 09/BB-RQNS-HĐQT ngày 20 tháng 5 năm 2016 quyết định Thông qua Phương án chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Xuất nhập khẩu Rau quả Sài Gòn.
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 27 tháng 5 năm 2016 với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà, theo đó giá chuyển nhượng là 25.000 đ/cổ phần. Tổng giá trị hợp đồng là 9.287.500.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MÃU SỐ B09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

	30/06/2016
	VND
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	80.421.436.800
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Rau quả I	6.350.306.419
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (**)	280.356.698.900
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Nông lâm sản Chế biến	2.430.117.352
Công ty Cổ phần VIAN	1.891.647.209
Công ty Rau quả tiên Giang	3.125.003.792
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả Hải Phòng	1.397.928.331
Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao	6.861.472.869
Cộng	382.834.611.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2016:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
1	Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	Hà Nội	14,40%	Sản xuất lon nhôm
2	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Rau quả I	Hà Nội	19,46%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
3	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (*)	Hà Nội	36,10%	Sản xuất đồ uống, bánh kẹo, dự án bất động sản
4	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu NLS Chế biến	Hà Nội	16,52%	Sản xuất chế biến nông lâm sản, giống cây
5	Công ty Cổ phần VIAN	Hà Nội	14,57%	Sản xuất. Kinh doanh nước quả đóng hộp
6	Công ty Rau quả tiên Giang	Tiên Giang	10,00%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp, đông lạnh
7	Công ty Cổ phần XNK Rau quả Hải Phòng	Hải Phòng	18,83%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
8	Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao	Ninh Bình	10,00%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp đông lạnh

(*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà bằng việc thực hiện mua cổ phần theo Quyết định về việc ban hành Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà và hợp đồng chuyển nhượng vốn số 02/HĐCNCP/VH-VEGETEXCO ngày 17 tháng 03 năm 2016. Theo đó, Tổng Công ty nắm giữ 27.758.089 cổ phần tương ứng với 36,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà chưa thực hiện Đại hội Cổ đông lần đầu tiên, do vậy, số cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà đang trình bày tại chi tiêu "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác".

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND
PT.Charoen Pokphand Indonesia	363.658.365.000	363.658.365.000
PT Capfa Comfeed Indonesia TBK	206.843.937.982	206.843.937.982
Công ty TNHH XNK TM và Phân phối Minh Tâm	6.701.772.000	6.701.772.000
Công ty Cổ phần XNK Nông Lâm Sản Chế Biến	4.731.580.000	4.731.580.000
Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên	3.108.072.000	3.108.072.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	206.000.000	206.000.000
Công ty TNHH Khai phát Nông nghiệp Vĩnh Lộc Khai Viễn	201.300.000	201.300.000
Các đối tượng khác	456.259.981	456.259.981
Cộng	585.907.286.963	585.907.286.963

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	234.675.785.088	234.675.785.088
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Quốc tế	40.898.000.000	40.898.000.000
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	20.000.000.000	20.000.000.000
Tạ Hùng Chương	46.320.050	46.320.050
Các khoản khác	123.035.000	123.035.000
Cộng	295.743.140.138	295.743.140.138

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B09a - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	30/06/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ VND	04/01/2016 VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế nhà thầu	102.856.063	-	-	102.856.063
Thuế Thu nhập cá nhân	222.161.827	428.136.415	650.298.242	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	28.554.108.076	28.554.108.076	-
Tiền thuế đất	138.246.017	126.920.000	379.017.783	113.851.766
Cộng	463.263.907	29.109.164.491	29.583.424.101	216.707.829
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	2.795.618	239.580.690	237.542.117	757.045
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	659.276.157	659.276.157
Tiền thuế đất	975.024.648	2.193.888.410	3.376.585.589	2.157.721.827
Các loại phí, lệ phí, phải nộp NSNN khác	12.773.158.730	19.811.200	19.811.200	12.773.158.730
Cộng	13.750.978.996	2.453.280.300	4.293.215.063	15.590.913.759

Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016 chưa bao gồm các điều chỉnh các số liệu có liên quan về kiểm tra quyết toán thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 03 tháng 01 năm 2016 (kỳ hoạt động từ sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến ngay trước thời điểm Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a – DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

15. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016
	VND
- Kinh phí công đoàn;	28.240.540
- Bảo hiểm xã hội;	28.668.256
- Phải trả tiền cổ phần hóa	50.228.257.099
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	194.696.512.939
<i>Phải trả về cửa hàng rau sạch</i>	-
<i>Phải trả tiền dữ trữ quốc gia</i>	241.588.634
<i>Phí dịch vụ tư vấn hoàn thành quá trình cổ phần hóa</i>	57.000.000
<i>Trợ cấp thôi việc Tạ Đình Thọ</i>	158.057.320
<i>Trợ cấp thôi việc Đào Sinh Khánh</i>	121.406.250
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (*)</i>	191.646.298.900
<i>Công ty Thực phẩm Xuất khẩu Tân Bình</i>	1.473.902.292
<i>Các khoản phải trả khác</i>	998.259.543
Cộng	244.981.678.834

(*) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 032016/HĐHTĐT/T&T ngày 22 tháng 01 năm 2016 và các phụ lục hợp đồng số 01-032016/HĐHTĐT/T&T ngày 15 tháng 01 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số 02-032016/HĐHTĐT/T&T ngày 22 tháng 04 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần hợp tác cùng Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T cùng mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà, trong đó phần vốn góp của T&T là 191.646.298.900 đồng và phần vốn góp của Tổng Công ty là 88.710.400.000 đồng. Tổng Công ty chịu trách nhiệm đứng tên toàn bộ số cổ phiếu trúng đấu giá. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016**MẪU SỐ B09a - DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2016		Trong kỳ hoạt động		04/01/2016	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND	Vay thêm VND	Trả gốc vay VND	Giá trị VND	trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.294.641.899	8.294.641.899	11.311.171.140	7.902.422.029	4.885.892.788	4.885.892.788
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Bình Dương (*)	8.088.030.225	8.088.030.225	10.500.381.120	2.412.350.895	-	-
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh Long Biên (**)	206.611.674	206.611.674	810.790.020	4.761.712.846	4.157.534.500	4.157.534.500
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	-	-	-	728.358.288	728.358.288	728.358.288
Cộng	8.294.641.899	8.294.641.899	11.311.171.140	7.902.422.029	4.885.892.788	4.885.892.788

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 06/2016/HDHM-PN/SHB.130200 ngày 08 tháng 04 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng, lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất thả nổi của Ngân hàng SHB theo từng thời kỳ. Mục đích sử dụng của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng tối đa không vượt quá 6 tháng đối với các khoản vay về phương án chế biến xuất khẩu và 3 tháng đối với phương án kinh doanh thương mại điều nhân. Các khoản vay được đảm bảo bằng các nguyên liệu, hàng hóa hình thành từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

(**) Vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1701LDS.201600264 và Hợp đồng tín dụng số 1701LAV201500804 ngày 16/11/2015, số tiền vay: 36.342 USD, mục đích vay: để thanh toán cho Phụ lục số 03 của Hợp đồng số 05/FY15/VEG-MON, thời hạn vay 6 tháng từ ngày 15 tháng 02 năm 2016 đến ngày 15 tháng 08 năm 2016, gốc vay trả 1 lần khi đáo hạn, lãi vay trả hàng tháng vào ngày 15, lãi suất cho vay là 4%/năm.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B09a - DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		CL đánh giá lại của tài sản		Quỹ đầu tư phát triển		LN sau thuế chưa phân phối		Quỹ hỗ trợ, sắp xếp DN		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 04/01/2016	633.738.138,626	-	22.421.127,209	-	16.323.004,781	-	27.306.299,463	-	186.517,990	-	605.290,241	700.580.378,310		
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3.620.447,673	-	-	-	(77.773,554)	3.542.674,119		
Số dư tại ngày 30/06/2016 (*)	633.738.138,626	-	22.421.127,209	-	16.323.004,781	-	30.926.747,136	-	186.517,990	-	527.516,687	704.123.052,429		

(*) Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016 chưa bao gồm các điều chỉnh về vốn do Tổng Công ty chưa thực hiện xong việc quyết toán bàn giao vốn Nhà nước cho giai đoạn hoạt động theo hình thức công ty TNHH MTV. Do đó, tổng số vốn trên báo cáo hiện tại chưa khớp với tổng vốn điều lệ theo đăng ký trên Đăng ký doanh nghiệp là 713 tỷ đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	24.955.000	35,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	10.695.000	15,00%
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	7.130.000	10,00%
Các cổ đông khác	28.520.000	40,00%
Tổng cộng	71.300.000	100%

c. Cổ phiếu

Cổ phiếu

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	71.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	71.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	71.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Cổ phiếu phổ thông	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	71.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	71.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có ít rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong kỳ gồm hai hoạt động: hoạt động trồng hoa để bán và hoạt động thương mại bán các sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, trong kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động trồng hoa để bán chưa chiếm đến 10% doanh thu phát sinh và lợi nhuận trong kỳ. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a – DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Văn phòng Tổng Công ty và Công ty Giống Rau quả Trung Ương - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty Cổ phần có trụ sở đặt tại số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có một đơn vị trực thuộc là Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty Cổ phần tại tỉnh Bình Phước với doanh thu cao hơn 10% tổng doanh thu phát sinh trong kỳ. Do đó Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần về bán hàng và giá trị còn lại của các tài sản bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa dịch vụ:

	Khu vực Hà Nội	Khu vực Bình Phước	Tổng cộng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng	79.471.004.116	56.447.161.163	135.918.165.279
2. Tài sản bộ phận	1.793.375.023.482	65.060.120.421	1.858.435.143.903

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 04/01/2016
	đến ngày 30/06/2016
	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.918.165.279
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.918.165.279

2. Giá vốn hàng hóa

	Từ ngày 04/01/2016
	đến ngày 30/06/2016
	VND
Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.944.499.841
Cộng	129.944.499.841

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.716.951.603
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.138.353.333
Lãi chênh lệch tỷ giá	474.490.764
Thu nhập từ tiền bán cổ phần	5.220.008.029
Cộng	11.549.803.729

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	386.431.350
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.221.501
Lỗ chênh lệch tỷ giá	307.047.949
Cộng	697.700.800

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Chi phí bán hàng	
Chi phí nhân công	1.433.855.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	704.599.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	672.650.621
Chi phí khác bằng tiền	492.321.170
Cộng	3.303.426.704
Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.210.844.562
Chi phí nhân công	3.969.731.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.323.503.781
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	54.343.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.797.788.543
Chi phí khác bằng tiền	1.334.318.924
Cộng	13.690.531.226

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. Thu nhập khác

Từ ngày 04/01/2016

đến ngày 30/06/2016

VND

Thu nhập từ quyết toán chi phí bán hàng hoạt động Dự trữ Quốc Gia	180.542.439
Thanh lý công cụ dụng cụ	9.090.909
Thu tiền cho thuê vị trí đặt trạm BTS	104.164.400
Các khoản khác	76.702
Cộng	293.874.450

7. Chi phí khác

Từ ngày 04/01/2016

đến ngày 30/06/2016

VND

Điều chỉnh giảm các khoản chi phí khấu hao của tài sản không sử dụng	(39.650.033)
Các khoản khác	6.396.955
Cộng	(33.253.078)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 04/01/2016

đến ngày 30/06/2016

VND

Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.542.674.119
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.620.447.673
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	71.300.000
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	71.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	50,78
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	50,78

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a – DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.878.760.634
Chi phí nhân công	8.729.228.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.038.595.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.938.208.270
Chi phí khác bằng tiền	6.124.633.880
Cộng	177.709.426.536

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

	30/06/2016 VND
Các khoản vay	8.294.641.899
<i>Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>79.625.954.973</i>
Nợ thuần	-
Vốn chủ sở hữu	704.123.052.429
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV. *“Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu”*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a – DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 30/06/2016 VND
Tài sản tài chính	
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.625.954.973
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.720.382.027
Đầu tư dài hạn	382.834.611.672
Cộng	558.180.948.672
Công nợ tài chính	
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	8.294.641.899
Phải trả người bán và phải trả khác	830.888.965.797
Chi phí phải trả	389.201.980
Cộng	839.572.809.676

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.625.954.973	-	79.625.954.973
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.720.382.027	-	95.720.382.027
Đầu tư dài hạn	-	382.834.611.672	382.834.611.672
Các khoản ký quỹ	-	-	-
Cộng	175.346.337.000	382.834.611.672	558.180.948.672
Tại 30/06/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	830.888.965.797	-	830.888.965.797
Chi phí phải trả	389.201.980	-	389.201.980
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	8.294.641.899	-	8.294.641.899
Cộng	839.572.809.676	-	839.572.809.676
Chênh lệch thanh khoản thuần	(664.226.472.676)	382.834.611.672,00	(281.391.861.004)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất Nhập khẩu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Vitranmex	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Tân Bình	Công ty liên kết
Công ty Xuất nhập khẩu Rau quả Thanh Hoá	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh TNHH TOVECAN	Công ty liên kết
Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau Quả	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ	Chủ sở hữu
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	Cùng chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a – DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Từ 04/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Cổ tức nhận được theo thông báo, nghị quyết của các đơn vị trong kỳ hoạt động	
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	2.949.080.000
Cộng	2.949.080.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	30/06/2016 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	260.410.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ	234.675.785.088
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	20.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	191.646.298.900

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Khoản mục	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	390.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	120.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc	346.933.335
Cộng	856.933.335

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo


VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

Kỳ kế toán từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, đồng thời là kỳ đầu tiên Tổng Công ty thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó không có số liệu so sánh tại ngày 04 tháng 01 năm 2016 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và số liệu so sánh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày tại Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cũng như Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Linh
Người lập
Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2016



Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc